

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST

Ngày: 03 - 7 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truệ;
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - là thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2022/TLST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-DS ngày 11/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lý Thanh H, sinh năm 1961.

- Bà Hồ Thị K, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Số nhà B, đường H, khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Quốc lộ 62, khu phố 5, phường 2, thị xã Kiến Tường, Long An

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số H, đường H, Khu phố B, Phường B, thị xã K.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Thanh H, bà Hồ Thị K và phần trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T trả tiền vay gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét

xử làm tròn là 24 tháng, thành tiền 60.000.000 đồng (theo giấy biên nhận viết tay ngày 01/7/2021).

Về nội dung tranh chấp và căn cứ khởi kiện: Ngày 01/7/2021 ông T vay của vợ chồng ông H, bà K 250.000.000 đồng, có viết biên nhận bằng chữ viết tay do ông T ký nhận, thỏa thuận lãi 1%/tháng, hạn vay 5 tháng nhưng đến nay đã quá hạn mà ông T chưa trả được nợ gốc cũng như nợ lãi.

Khi vay tiền, ông T không thế chấp tài sản cho ông bà. Sau khi nhận tiền vay, ông T có giao tiền cho ông Á hay không thì ông H, bà K không biết vì ông bà chỉ cho ông T vay nên yêu cầu ông T trả, không yêu cầu ông Á trả, không đồng ý ông Á trả thay.

Ông bà không đồng ý cho ông T trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng, không đồng ý miễn 05 tháng tiền lãi cho ông T. Tính đến thời điểm hiện nay ngoài số nợ 250.000.000 đồng mà ông bà đang khởi kiện thì ông T không còn nợ ông bà khoản nợ nào khác, ngoài biên nhận nợ ông T ký ngày 01/7/2021 thì không còn biên nhận nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Vào khoảng tháng 3/2020 ông Nguyễn Ngọc Á có dẫn ông T đến nhà ông H, bà K để vay số tiền 250.000.000 đồng, ông T có viết biên nhận cho bà K ông H giữ chứ ông T không giữ, tiền lãi thỏa thuận miệng là 5.000.000 đồng/tháng. Sau khi nhận tiền vay, giữa ông và ông Á có thỏa thuận ông Á nhận 100.000.000 đồng, ông nhận 150.000.000 đồng, việc thỏa thuận này không thông báo cho vợ chồng ông H, bà K. Ông và ông Á hùn trả tiền lãi cho vợ chồng ông H từ khi vay tiền cho đến khi bùng dịch covid là tháng 7/2021, khi đó bà K yêu cầu ông viết và ký lại tờ biên nhận mới là tờ biên nhận ngày 01/7/2021. Từ sau tháng 7/2021 ông T trả thêm 02 tháng tiền lãi nữa nhưng không nhớ rõ tháng nào. Khi trả tiền lãi là giao trực tiếp cho vợ chồng ông H, không làm giấy tờ biên nhận cũng không có người chứng kiến làm chứng. Tuy nhiên, ông T không tranh chấp về số tiền lãi đã trả.

Ông T thừa nhận có vay của vợ chồng ông H, bà K 250.000.000 đồng, nay ông T đồng ý trả nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng vì hoàn cảnh khó khăn. Ông T đồng ý tính lãi theo lãi suất 1%/tháng nhưng đề nghị được miễn 05 tháng tiền lãi.

Về việc ông T giao cho ông Á 100.000.000 đồng tiền vay thì giữa các ông tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Á trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau: Ông là anh trai của ông T, ông cũng là cháu rể của vợ chồng ông H. Trước đây ông có dẫn ông T đến vay 250.000.000 đồng của vợ chồng ông H (không nhớ rõ thời gian). Ông T là người đứng ra vay tiền và ký biên nhận nợ, sau khi nhận tiền vay thì ông T có giao cho ông 100.000.000 đồng, ông có hùn đóng lãi 2.000.000 đồng/tháng, đóng lãi được vài tháng. Nay ông T đồng ý trả cho vợ chồng ông H số tiền trên thì ông không có ý kiến gì. Giữa ông và ông T tự thỏa thuận với nhau về số tiền 100.000.000 đồng mà ông T đã giao cho ông, không tranh chấp trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ biên nhận nợ ngày 01/7/2021 thể hiện ông T là người ký nhận vay tiền của nguyên đơn, ông T cũng thừa nhận đến nay chưa thanh toán số tiền này và đồng ý trả nên ông H, bà K khởi kiện là có căn cứ chấp nhận theo Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015. Về tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lý Thanh H, bà Hồ Thị K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T trả tiền nợ vay. Căn cứ Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông T có địa chỉ cư trú tại Phường B, thị xã K nên căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

[3] Về phạm vi giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Vấn đề đã thống nhất: Các đương sự đều thống nhất ông Nguyễn Ngọc T vay của bà K, ông H 250.000.000 đồng, ông T có ký biên nhận mượn tiền ngày 01/7/2021, đến nay chưa thanh toán số tiền nợ gốc, nay ông T đồng ý trả số tiền nợ vay 250.000.000 đồng cho ông H, bà K và đồng ý mức lãi suất 1%/tháng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

[4.2] Về vấn đề không thống nhất: Nguyên đơn ông H, bà K trình bày cho ông T vay 250.000.000 đồng vào ngày ký biên nhận mượn tiền là ngày 01/7/2021, nay yêu cầu trả nợ gốc và lãi tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử là 24 tháng thành tiền 60.000.000 đồng. Ngược lại ông T trình bày số tiền 250.000.000 đồng là ông vay vào khoảng tháng 3/2020 có ký biên nhận, thỏa thuận miệng tiền lãi 5.000.000 đồng/tháng, đã trả lãi đến tháng 7/2021, từ sau tháng 7/2021 đến nay có trả thêm được 02 tháng tiền lãi nhưng không nhớ thời gian. Nay ông T đề nghị được trả dần nợ gốc mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 250.000.000 đồng, đề nghị ông H, bà K miễn cho 05 tháng tiền lãi.

Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết, thấy rằng:

Ông T cho rằng số tiền 250.000.000 đồng là vay vào tháng 3/2020 nhưng không có chứng cứ chứng minh trong khi ông H, bà K không thừa nhận. Ông H, bà K xác định cho ông T vay tiền vào ngày 01/7/2021 và cung cấp tờ biên nhận có chữ ký của ông T. Như vậy căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 có cơ sở xác định ông T và bà K, ông H xác lập hợp đồng vay tiền vào ngày 01/7/2021.

Căn cứ tờ biên nhận ngày 01/7/2021 có ghi thời hạn vay 05 tháng, đến nay đã quá thời hạn trả nợ. Ông T đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 6.000.000 đồng nhưng không được ông H, bà K đồng ý nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà K.

[4.3] Về yêu cầu trả lãi:

Ông T trình bày đã trả lãi cho ông H, bà K từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2021 mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, ông T cũng không tranh chấp về số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ nội dung thỏa thuận trong biên nhận ngày 01/7/2021 thì hợp đồng vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay có lãi. Ông H, bà K yêu cầu lãi suất 1%/tháng, bị đơn ông T đồng ý. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp nên được chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: Ông T trình bày từ ngày 01/7/2021 đến nay đã trả được 02 tháng tiền lãi mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ thời gian, không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong khi ông H, bà K không thừa nhận. Do đó, không có cơ sở xác định ông T đã trả 02 tháng tiền lãi.

Tại phiên tòa ông T đề nghị được miễn 05 tháng tiền lãi, phía ông H và bà K không đồng ý. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 thì ông H bà K yêu cầu tính lãi từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận, thành tiền 60.000.000 đồng.

[4.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà K đối với ông T, buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông H, bà K số tiền nợ vay gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi 60.000.000 đồng.

[4.5] Trong vụ án, ông T không có khởi kiện tranh chấp với ông A liên quan đến số tiền ông T trình bày đã giao cho ông A nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Bà Hồ Thị K và ông Lý Thanh H đã được miễn nộp tạm ứng án phí và không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K về tranh hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Ngọc T.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K số tiền nợ vay gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi là 60.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải nộp 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lý Thanh H, bà Hồ Thị K, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc Á có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Dương Thị Tuyết Nhung